

Số: 03 /2019/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 07 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng
trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà ở và công sở;

Căn cứ Thông tư số 03/2018/TT-BXD ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà ở và công sở;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 72/TTr-SXD ngày 07 tháng 12 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/01/2019.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Chánh Thanh tra Sở Xây dựng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành trong tỉnh;
- Báo Gia Lai;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Các P.CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, CNXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



[Handwritten Signature]
Võ Ngọc Thành



QUY CHẾ

Phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, phương thức, nội dung, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong công tác quản lý trật tự xây dựng; kiểm tra trách nhiệm quản lý nhà nước về trật tự xây dựng; chế độ giao ban, báo cáo công tác quản lý về trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Xây dựng.
2. Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh.
3. Các sở, ban, ngành có liên quan đến quản lý trật tự xây dựng.
4. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện).
5. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã).
6. Cơ quan quản lý công trình quốc phòng, an ninh, giao thông, thủy lợi, đê điều, năng lượng, khu di tích lịch sử - văn hóa.
7. Cơ quan quản lý khu vực đã được cảnh báo về nguy cơ lở đất, lũ quét, lũ ống, khu vực bảo vệ công trình khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc, phương thức phối hợp quản lý trật tự xây dựng

1. Nguyên tắc phối hợp quản lý trật tự xây dựng

- a) Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng thống nhất quản lý trật tự xây dựng các loại công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ. Trường hợp công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ xây dựng vi phạm liên quan nhiều ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước thì cơ quan có thẩm quyền phát hiện đầu tiên có trách nhiệm thông báo cho

các cơ quan liên quan phối hợp xử lý theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật quy định.

b) Phối hợp quản lý trật tự xây dựng đảm bảo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật; không chồng chéo, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm trong công tác kiểm tra, xử lý vi phạm.

c) Phối hợp lập hồ sơ, xử lý vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng phải kịp thời, triệt để, chính xác, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.

d) Những vướng mắc, phát sinh trong quá trình phối hợp phải được bàn bạc, thống nhất trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật quy định và phân công trách nhiệm quy định tại Quy chế này. Trường hợp không thống nhất được hướng giải quyết, Sở Xây dựng có trách nhiệm báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

2. Phương thức phối hợp quản lý trật tự xây dựng

Phối hợp quản lý trật tự xây dựng được thực hiện thông qua một trong các phương thức sau: Văn bản hành chính, tổ chức họp, điện thoại đường dây nóng, thành lập các tổ kiểm tra liên ngành.

Điều 4. Hành vi buông lỏng quản lý trật tự xây dựng

1. Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quy định tại Chương II Quy chế này.

2. Các hành vi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Phân định trách nhiệm khi để xảy ra vi phạm trật tự xây dựng

1. Khi công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ xây dựng vi phạm trật tự xây dựng thì cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan có trách nhiệm phối hợp xử lý triệt để vi phạm theo thẩm quyền được pháp luật quy định. Trường hợp không xử lý triệt để vi phạm thì trách nhiệm được phân định theo trình tự như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra vi phạm trật tự xây dựng đối với tất cả các công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ trên địa bàn quản lý khi chưa thực hiện trách nhiệm thông báo theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này.

b) Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra vi phạm trật tự xây dựng đối với công trình xây dựng (trừ nhà ở riêng lẻ) trong khu vực quản lý khi chưa thực hiện trách nhiệm thông báo theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

c) Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu không tổ chức quản lý trật tự xây dựng đối với công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ được phân công theo Điều 6 Quy chế này sau khi các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan đã thông báo tình hình xây dựng theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 8 Quy chế này.

2. Trường hợp phát hiện công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ xây dựng vi phạm trật tự xây dựng thì trách nhiệm được phân định như sau:

a) Người có thẩm quyền lập Biên bản vi phạm hành chính theo Điều 69 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu không lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy chế này đối với địa bàn mình được phân công phụ trách theo dõi, quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện, Chánh Thanh tra Sở Xây dựng chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu không ban hành các quyết định hành chính theo thẩm quyền để xử lý kịp thời hành vi vi phạm trật tự xây dựng theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 9 Quy chế này.

c) Trưởng Công an cấp xã, cấp huyện chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu không thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Quy chế này.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công trách nhiệm tại Quy chế này, nếu không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm được phân công thì chịu trách nhiệm liên đới khi để xảy ra vi phạm trật tự xây dựng.

Chương II

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP QUẢN LÝ TRẬT TỰ XÂY DỰNG

Điều 6. Phân công trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ:

a) Công trình xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng hoặc chưa được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với công trình được miễn giấy phép xây dựng theo điểm b khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014.

c) Nhà ở riêng lẻ nông thôn thuộc đối tượng được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014.

d) Công trình xây dựng không phép trong khu vực cấm xây dựng; lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình quốc phòng, an ninh, giao thông, thủy lợi, đê điều, năng lượng, khu di tích lịch sử - văn hóa và khu vực bảo vệ công trình khác theo quy định của pháp luật; xây dựng công trình ở khu vực đã được cảnh báo về nguy cơ lở đất, lũ quét, lũ ống (trừ công trình xây dựng để khắc phục những hiện tượng này); xây dựng coi nới, lấn chiếm diện tích, lấn chiếm không gian đang được quản lý, sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác hoặc của khu vực công cộng, khu vực sử dụng chung.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ:

a) Công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng, quyết định đầu tư theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Công trình xây dựng nằm trên địa bàn từ hai xã, phường, thị trấn trở lên thuộc phạm vi địa bàn quản lý.

c) Công trình xây dựng do Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, trừ các công trình quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Sở Xây dựng giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều hành chung công tác quản lý nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng:

a) Công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc ủy quyền Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư.

b) Công trình xây dựng do Bộ ngành trung ương cấp phép, quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh.

c) Công trình xây dựng có vốn đầu tư nước ngoài do Sở Xây dựng cấp phép theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Công trình xây dựng nằm trên địa bàn từ hai huyện, thị xã, thành phố trở lên.

4. Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh chịu trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng các công trình xây dựng trong khu vực mình quản lý (trừ nhà ở riêng lẻ).

Điều 7. Phối hợp cung cấp thông tin phục vụ quản lý trật tự xây dựng

1. Cơ quan quyết định đầu tư xây dựng và cấp phép xây dựng theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định phê duyệt dự án, giấy phép xây dựng (*bản chính hoặc bản sao, không bao gồm hồ sơ, bản vẽ*) cho cơ quan quản lý trật tự xây dựng quy định tại Điều 6 Quy chế này để tổ chức theo dõi, quản lý.

2. Cơ quan được phân công trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng tại Điều 6 Quy chế này có trách nhiệm cung cấp thông tin tình hình quyết định đầu tư, cấp phép xây dựng các công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ do mình quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng để tổ chức theo dõi việc khởi công xây dựng.

3. Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh có trách nhiệm gửi thông báo khởi công xây dựng các công trình xây dựng do đơn vị làm chủ đầu tư cho Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã nơi công trình xây dựng để tổ chức theo dõi, quản lý.

4. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm gửi Quyết định xử phạt vi phạm hành chính cho cơ quan cấp phép xây dựng, các cơ

quan, đơn vị, địa phương liên quan cùng cấp theo Điều 10 Quy chế này để phối hợp xử lý triệt để vi phạm.

5. Cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm cung cấp thông tin về đất đai theo đề nghị của cơ quan quản lý về xây dựng.

6. Tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh về vi phạm trật tự xây dựng

a) Sở Xây dựng, Thanh tra Sở Xây dựng, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thành lập và công bố số điện thoại đường dây nóng trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, phương tiện thông tin đại chúng, phổ biến đến từng tổ dân phố, khu phố, thôn, làng; phân công cán bộ trực điện thoại đường dây nóng, lập sổ tiếp nhận thông tin để tiếp nhận, theo dõi và xử lý thông tin phản ánh về vi phạm trật tự xây dựng do các tổ chức, cá nhân chuyển đến để kịp thời kiểm tra và xử lý vi phạm.

b) Khi có thông tin về công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ vi phạm thì Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo cán bộ, công chức được phân công quản lý lập biên bản vi phạm hành chính và xử lý đúng quy định hoặc thông tin trực tiếp, bằng văn bản, điện thoại đến Phòng Quản lý đô thị thành phố, thị xã, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện (sau đây gọi tắt là Phòng quản lý xây dựng cấp huyện), Thanh tra Sở Xây dựng để kịp thời xử lý theo đúng quy định.

c) Thanh tra Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện khi tiếp nhận thông tin phản ánh về vi phạm trật tự xây dựng thuộc thẩm quyền quy định tại Điều 6 Quy chế này thì có trách nhiệm kiểm tra và xử lý ngay các hành vi vi phạm theo quy định.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã khi nhận được thông tin của Thanh tra Sở Xây dựng về đề nghị kiểm tra theo thẩm quyền, phối hợp kiểm tra, xử lý công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ vi phạm trật tự xây dựng thì có trách nhiệm tổ chức thực hiện, cử công chức phối hợp theo yêu cầu.

Điều 8. Phối hợp tổ chức quản lý trật tự xây dựng

1. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chịu trách nhiệm kiểm tra, phát hiện, xử lý ban đầu và thông báo kịp thời cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Xây dựng về tình hình khởi công xây dựng các công trình, nhà ở riêng lẻ trên địa bàn (đối với nhà ở riêng lẻ chỉ thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện).

b) Trường hợp công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ (đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng) đã khởi công xây dựng mà chưa có văn bản thông báo ngày khởi công đến Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải kịp thời chỉ đạo kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền đối với hành vi không thông báo khởi công xây dựng công trình và các vi phạm khác (nếu có).

Kết quả xử lý gửi cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này để phối hợp quản lý theo thẩm quyền. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm vượt quá thẩm quyền xử lý của mình thì thông báo

cho cơ quan được phân công trách nhiệm tại Điều 6 Quy chế này phối hợp cùng xử lý.

c) Tổ chức quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ do mình quản lý theo quy định của pháp luật và phân công trách nhiệm tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này.

d) Chịu trách nhiệm tiếp tục kiểm tra, theo dõi trường hợp công trình, nhà ở riêng lẻ đã bị lập biên bản vi phạm hành chính mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà tái phạm để thông báo cho cơ quan được phân công trách nhiệm tại Điều 6 Quy chế này phối hợp xử lý.

2. Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh có trách nhiệm trực tiếp kiểm tra, kiểm soát việc xây dựng các công trình trong khu vực mình quản lý (trừ nhà ở riêng lẻ); xử lý theo thẩm quyền đối với các công trình xây dựng vi phạm. Trường hợp vượt quá thẩm quyền của đơn vị phải thông báo cho Sở Xây dựng để chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý.

3. Cơ quan quản lý công trình quốc phòng, an ninh, giao thông, thủy lợi, đê điều, năng lượng, khu di tích lịch sử - văn hóa và cơ quan quản lý khu vực đã được cảnh báo về nguy cơ lở đất, lũ quét, lũ ống, khu vực bảo vệ công trình khác theo quy định của pháp luật có trách nhiệm tổ chức theo dõi, kiểm tra hành lang bảo vệ công trình, khu vực do mình quản lý; yêu cầu địa phương phối hợp xác nhận hành vi vi phạm, xử lý theo thẩm quyền khi phát hiện công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ xây dựng vi phạm thuộc phạm vi mình quản lý. Trường hợp vượt quá thẩm quyền của đơn vị phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý.

4. Cơ quan quản lý về đất đai các cấp có trách nhiệm tổ chức quản lý việc sử dụng đất theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật quy định, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có chức năng xử lý kịp thời các trường hợp sử dụng đất xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ vi phạm Luật Đất đai năm 2013.

5. Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ do mình quản lý theo quy định của pháp luật và phân công trách nhiệm tại Điều 6 Quy chế này ngay khi tiếp nhận thông tin theo quy định tại Điều 7 Quy chế này và thông báo theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 9. Phối hợp lập thủ tục xử lý vi phạm trật tự xây dựng

1. Trách nhiệm lập biên bản vi phạm hành chính

a) Người có thẩm quyền lập Biên bản vi phạm hành chính theo Điều 69 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ có trách nhiệm lập biên bản vi phạm hành chính các công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ vi phạm trật tự xây dựng do cơ quan, đơn vị, địa phương mình quản lý theo phân công trách nhiệm tại Điều 6 Quy chế này. Biên bản vi phạm hành chính sau khi lập phải được chuyển cho người có thẩm quyền để kịp thời xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp cán bộ, công chức quản lý xây dựng cấp xã buông lỏng quản lý, không lập biên bản vi phạm hành chính theo thẩm quyền và nhiệm vụ được phân công thì cán bộ, công chức quản lý xây dựng cấp huyện lập biên bản vi phạm hành chính và chuyển đến người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời tham mưu cho thủ trưởng đơn vị đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xử lý trách nhiệm buông lỏng quản lý của cán bộ, công chức cấp xã.

c) Trường hợp cán bộ, công chức quản lý xây dựng cấp huyện buông lỏng quản lý, không lập biên bản vi phạm hành chính theo thẩm quyền và nhiệm vụ được phân công thì cán bộ, công chức cấp xã phải tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo lên Chánh Thanh tra Sở Xây dựng để tham mưu Giám đốc Sở Xây dựng đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, chỉ đạo xử lý vi phạm trật tự xây dựng và trách nhiệm buông lỏng quản lý của cán bộ, công chức cấp huyện.

d) Trường hợp thanh tra viên, công chức Thanh tra Sở Xây dựng buông lỏng quản lý, không lập biên bản vi phạm hành chính theo thẩm quyền và nhiệm vụ được phân công thì công chức quản lý xây dựng cấp huyện phải tham mưu cho thủ trưởng đơn vị báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị Giám đốc Sở Xây dựng xem xét, chỉ đạo xử lý vi phạm trật tự xây dựng và trách nhiệm buông lỏng quản lý của thanh tra viên, công chức Thanh tra Sở.

2. Ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với tất cả các công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn quản lý (bao gồm cả các trường hợp do cán bộ, công chức quản lý xây dựng cấp huyện, thanh tra viên, công chức Thanh tra Sở chuyển đến).

Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp vượt thẩm quyền xử phạt của mình.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

Ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với các công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ vi phạm trật tự xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý và các trường hợp thuộc thẩm quyền xử lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã khi phát hiện có hành vi buông lỏng quản lý.

Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp vượt thẩm quyền xử phạt của mình.

c) Chánh Thanh tra Sở Xây dựng

Ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với các công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ vi phạm trật tự xây dựng do Sở Xây dựng, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh quản lý và các trường hợp thuộc thẩm quyền xử lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã khi phát hiện có hành vi buông lỏng quản lý.

Tham mưu Giám đốc Sở Xây dựng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp vượt thẩm quyền xử phạt của mình.

3. Thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, đôn đốc và tổ chức thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành; tổ chức thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chánh Thanh tra Sở Xây dựng ban hành.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và tổ chức thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành; tổ chức thực hiện các các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

c) Chánh Thanh tra Sở Xây dựng có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và tổ chức thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chánh Thanh tra Sở Xây dựng ban hành; theo dõi, giám sát việc thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

4. Ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ vi phạm trật tự xây dựng

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với tất cả các loại công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ xây dựng không phép, sai quy hoạch xây dựng được duyệt trên địa bàn quản lý (trừ công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ được miễn giấy phép xây dựng).

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với tất cả các loại công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ xây dựng sai giấy phép xây dựng, sai quy hoạch xây dựng được duyệt, sai thiết kế được duyệt (đối với công trình xây dựng được miễn giấy phép xây dựng) trên địa bàn quản lý và các trường hợp thuộc thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã khi phát hiện có hành vi buông lỏng quản lý.

c) Chánh Thanh tra Sở Xây dựng ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khi phát hiện có hành vi buông lỏng quản lý.

5. Phương án phá dỡ và tổ chức phá dỡ công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ vi phạm trật tự xây dựng

a) Đối với trường hợp yêu cầu phải lập phương án phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm thì trình tự thủ tục về lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt và thực hiện phương án, giải pháp phá dỡ được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 03/2018/TT-BXD ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức phá dỡ tất cả công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ vi phạm trật tự xây dựng thuộc địa bàn quản lý theo quyết định cưỡng chế phá dỡ của người có thẩm quyền và phương án phá dỡ đã phê duyệt. Trường hợp phức tạp, thì báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, chỉ đạo.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo đối với các vụ việc phức tạp, cần sự hỗ trợ của lực lượng đảm bảo an ninh trật tự cấp tỉnh.

Điều 10. Phối hợp xử lý vi phạm trật tự xây dựng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, các kiến nghị của Thanh tra Sở Xây dựng trong công tác kiểm tra, phát hiện, thông báo và xử lý vi phạm trật tự xây dựng. Trường hợp không thực hiện phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do không thực hiện.

b) Cử cán bộ, công chức tham gia kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng trên địa bàn khi có yêu cầu của Thanh tra Sở Xây dựng hoặc Phòng quản lý xây dựng cấp huyện.

c) Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu, hồ sơ liên quan theo đề nghị của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện để phục vụ cho hoạt động thanh tra, kiểm tra về trật tự xây dựng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, các kiến nghị của Sở Xây dựng trong công tác kiểm tra và xử lý vi phạm trật tự xây dựng. Trường hợp không thực hiện phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do không thực hiện.

b) Kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp xã xử lý vi phạm trật tự xây dựng theo thẩm quyền; xem xét, xử lý vi phạm và trách nhiệm các tổ chức, cá nhân có liên quan trực thuộc khi phát hiện có hành vi buông lỏng quản lý, không xử lý triệt để vi phạm trật tự xây dựng theo thẩm quyền và các chỉ đạo, kiến nghị xử lý của cơ quan tham gia phối hợp.

c) Thu hồi, hủy giấy phép xây dựng do mình cấp theo thẩm quyền đối với các trường hợp vi phạm quy định tại Điều 101 của Luật Xây dựng năm 2014 hoặc theo đề nghị bằng văn bản của các cơ quan liên quan.

d) Cử cán bộ, công chức tham gia kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng trên địa bàn khi có yêu cầu của cơ quan liên quan.

e) Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu liên quan theo đề nghị của Sở Xây dựng để phục vụ cho hoạt động thanh tra, kiểm tra về trật tự xây dựng.

3. Sở Xây dựng

a) Kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý vi phạm theo thẩm quyền, báo cáo kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý vi phạm và trách nhiệm các tổ chức, cá nhân liên quan khi phát hiện có dấu hiệu buông lỏng quản lý, không xử lý triệt để vi phạm trật tự xây dựng theo thẩm quyền.

b) Giải quyết kịp thời các kiến nghị về chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý trật tự xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã khi có yêu cầu.

c) Thu hồi, hủy giấy phép xây dựng do mình cấp theo thẩm quyền đối với các trường hợp vi phạm quy định tại Điều 101 của Luật Xây dựng năm 2014 hoặc theo đề nghị bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan.

4. Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh

a) Thu hồi, hủy giấy phép xây dựng do mình cấp theo thẩm quyền đối với các trường hợp vi phạm quy định tại Điều 101 của Luật Xây dựng năm 2014 hoặc theo đề nghị bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan.

b) Cử cán bộ, công chức tham gia các hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về trật tự xây dựng trên địa bàn quản lý khi có yêu cầu của cơ quan liên quan.

5. Thủ trưởng cơ quan Công an

a) Thủ trưởng cơ quan Công an cấp xã, cấp huyện có trách nhiệm phối hợp trong việc phòng ngừa, phát hiện, bảo đảm an ninh trật tự và an toàn cho các lực lượng trong quá trình xử lý vi phạm trật tự xây dựng; thực hiện các yêu cầu trong quyết định xử lý vi phạm trật tự xây dựng của cấp có thẩm quyền. Xử lý các hành vi chống đối hoặc cản trở người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, xử lý vi phạm về trật tự xây dựng.

b) Trường hợp xét thấy lực lượng sẵn có không đảm bảo thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này thì có trách nhiệm báo cáo, kiến nghị cơ quan công an cấp trên xây dựng phương án hỗ trợ lực lượng để đảm bảo thực hiện các yêu cầu trong quyết định xử lý vi phạm trật tự xây dựng của cấp có thẩm quyền và an toàn cho người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, xử lý vi phạm về trật tự xây dựng.

6. Thủ trưởng các Sở ngành liên quan

Cử công chức phối hợp với cơ quan quản lý về xây dựng cùng cấp xử lý các trường hợp xây dựng công trình lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình quốc phòng, an ninh, giao thông, thủy lợi, đê điều, năng lượng, khu di tích lịch sử - văn hóa và khu vực bảo vệ công trình khác theo quy định của pháp luật; xây dựng công trình ở khu vực đã được cảnh báo về nguy cơ lở đất, lũ quét, lũ ống trừ công trình xây dựng để khắc phục những hiện tượng này.

Chương III

KIỂM TRA, GIAO BAN, BÁO CÁO CÔNG TÁC QUẢN LÝ

TRẬT TỰ XÂY DỰNG

Điều 11. Kiểm tra trách nhiệm quản lý nhà nước về trật tự xây dựng

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về công tác quản lý trật tự xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về công tác quản lý trật tự xây dựng của các đơn vị trực thuộc.

3. Chánh Thanh tra Sở Xây dựng có trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc chấp hành nhiệm vụ, công vụ của Thanh tra viên, công chức, thuộc Thanh tra Sở Xây dựng.

4. Trưởng phòng quản lý xây dựng cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc chấp hành nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng; đồng thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét trách nhiệm buông lỏng quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định pháp luật.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc chấp hành nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức quản lý xây dựng cấp xã.

Điều 12. Chế độ giao ban, báo cáo

1. Chế độ giao ban

a) Định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức giao ban với cán bộ, công chức và các bộ phận có liên quan của đơn vị mình để đánh giá tình hình và đề ra biện pháp thực hiện nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn quản lý.

b) Định kỳ hàng quý hoặc đột xuất, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức giao ban với Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan có liên quan để đánh giá tình hình và đề ra biện pháp thực hiện nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn quản lý.

c) Định kỳ 6 tháng, năm hoặc đột xuất, Sở Xây dựng tổ chức giao ban công tác quản lý trật tự xây dựng với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan có liên quan để đánh giá tình hình và đề ra biện pháp thực hiện nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn quản lý.

d) Cơ quan công an, cơ quan quản lý công trình chuyên ngành, cơ quan quản lý tài nguyên, môi trường và các cơ quan liên quan cùng cấp có trách nhiệm tham dự giao ban theo đề nghị của cơ quan, đơn vị và địa phương theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.

2. Chế độ báo cáo

a) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất khi có yêu cầu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện về tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn theo Phụ lục I kèm Quyết định này.

b) Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng quý, 06 tháng, năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu cho Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Xây dựng) về tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn theo Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

c) Sở Xây dựng có trách nhiệm báo cáo định kỳ 6 tháng, năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn chi tiết cho các đơn vị, địa phương về biểu mẫu, thời kỳ lấy số liệu báo cáo.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Kinh phí thực hiện

Kinh phí tổ chức thực hiện Quy chế (công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng làm công tác quản lý trật tự xây dựng, tổ chức giao ban định kỳ) do ngân sách các cấp bố trí trong dự toán hằng năm.

Điều 14. Phân công trách nhiệm

1. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

a) Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quy chế này; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo giải quyết; phổ biến, hướng dẫn và tổ chức kiểm tra công tác quản lý trật tự xây dựng.

b) Cơ quan quản lý công trình quốc phòng, an ninh, giao thông, thủy lợi, đê điều, năng lượng, khu di tích lịch sử - văn hóa và cơ quan quản lý khu vực đã được cảnh báo về nguy cơ lở đất, lũ quét, lũ ống, khu vực bảo vệ công trình khác theo quy định của pháp luật có trách nhiệm tổ chức cắm mốc giới phạm vi, khu vực cần bảo vệ và bàn giao cho chính quyền cơ sở quản lý để tránh xâm hại, lấn chiếm.

c) Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh, Công an tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở quản lý công trình chuyên ngành, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm quán triệt và chỉ đạo các đơn vị trong ngành triển khai thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ được phân công tại Quy chế này.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung Quy chế này cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn biết, chấp hành và giám sát việc thực hiện.

b) Chỉ đạo các Phòng, Ban thuộc, trực thuộc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế này; phân công cán bộ, công chức phụ trách theo địa bàn để có cơ sở kịp thời biểu dương, khen thưởng và xử lý trách nhiệm khi để xảy ra vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn phụ trách.

3. Hằng năm cùng với thời gian lập dự toán thu, chi, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ lập dự toán kinh phí và tổng hợp chung vào dự toán thu, chi của cơ quan, đơn vị gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Võ Ngọc Thành